

Bản án số: 92/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25 tháng 11 năm 2025

(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi; Bà Nguyễn Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tường Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Khuyển - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2025/QĐHPT-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 01/11/1995; Số CC: 030195012892, do Bộ Công an cấp ngày 29/8/2024; HKTT: TDP VĐ1, phường TNT, TP. Hải Phòng

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H1, sinh ngày 07/5/1989; Số CMND: 112151507, do Công an TP. Hà Nội cấp ngày 02/3/2013; HKTT: thôn NL, xã UH, TP. Hà Nội.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn trình bày: chị và anh Nguyễn Văn H1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH, huyện UH (nay là xã UH),

thành phố Hà Nội năm 2015. Vợ cH chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, anh H1 có lối sống không lành mạnh, có hành vi vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án trong trại giam không chỉ 01 lần, do mâu thuẫn vợ cH căng thẳng và nhận định sống cùng anh H1 thì không có tương lai, ảnh hưởng cả con cái sau này nên năm 2017 khi đó chị đang mang thai con của anh H1, chị đã quyết định bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, hai vợ cH chị cũng sống ly thân từ 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy chị không còn tình cảm gì với anh H1 nữa, chị không muốn tiếp tục cuộc sống như này nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh H1 để ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: anh chị có 01 con chung: Nguyễn TA, sinh ngày 22/7/2017. Từ bé đến nay cháu đều ở với chị và ông bà ngoại. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H1: Không có ý kiến trình bày gì.

Tại biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị K là bố mẹ đẻ anh H1 trình bày: ông bà là bố mẹ đẻ anh Nguyễn Văn H1. Về mâu thuẫn vợ cH chị H và anh H1 cụ thể như nào ông bà không nắm rõ, ông bà cũng không can thiệp sâu vào chuyện của các cháu. Chị H đã bỏ đi khỏi nhà ông bà mấy năm nay, sống ly thân với anh H1 cho đến nay. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh H1, quan điểm ông bà đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết. Chị H và anh H1 có 01 con chung.

Anh H1 – con trai ông bà làm lao động tự do, đi làm tới mới về nhà, có hôm không về, cụ thể làm ở đâu ông bà không rõ. Ông bà đã thông báo cho anh H1 biết về việc chị H nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án, nH1 vì công việc bận, lại ở xa nên anh H1 xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án, xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Tòa cứ giải quyết theo pháp luật. Anh H1 có đăng ký thường trú và sống cùng nhà với ông bà. Ông bà nhận trách nhiệm giao lại các văn bản tố tụng của tòa án cho anh H1 ngay trong ngày. Ông bà xin vắng mặt các buổi làm việc khác của tòa án, xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án vì việc này không liên quan đến ông bà.

Tại biên bản xác minh tại UBND xã Ứng Hòa, Công an xã Ứng Hòa thể hiện:
Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995 tự nguyện kết hôn với

anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1989 tại UBND xã ĐH, huyện UH (nay là xã UH) thành phố Hà Nội, ngày 26/2/2015; Sau khi kết hôn chị H chuyển về sinh sống tại nhà anh H1 ở thôn NL, xã UH, thành phố Hà Nội. Về mâu thuẫn vợ chồng chị H anh H1 cụ thể như nào chính quyền địa phương không nắm được. Chỉ biết thông qua dư luận quần chúng nhân dân chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở mấy năm nay, sống ly thân với anh H1. Chị H và anh H1 có 01 con chung: Nguyễn TA, sinh ngày 22/7/2017. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh H1, quan điểm chính quyền địa phương: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về nơi cư trú của anh H1: anh H1 có nơi đăng ký thường trú tại thôn NL, xã UH, thành phố Hà Nội. Anh H1 sống cùng nhà với bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị K. Anh H1 làm nghề lao động tự do, thỉnh thoảng mới về nhà và địa phương.

** Tại phiên tòa, nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, các đương sự được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nhưng anh H1 không hòa giải được vì lý do bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị H được ly hôn với anh H1; giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H cho đến khi có sự thay đổi mới hoặc có đề nghị khác; chị H nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị H làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, anh Nguyễn Văn H1 là bị đơn có địa chỉ cư trú tại: thôn NL, xã UH, thành phố Hà Nội, do đó Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội tiến hành thụ lý, giải quyết theo

đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh H1 đến Tòa để hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nh1 anh H1 vắng mặt không có lý do; chị H xin vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH, huyện UH (nay là xã UH) thành phố Hà Nội, ngày 26/2/2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị H trình bày là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, anh H1 có lối sống không lành mạnh, có hành vi vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án trong trại giam không chỉ 01 lần, do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng và nhận định sống cùng anh H1 thì không có tương lai, ảnh hưởng cả con cái sau này nên năm 2017 khi đó chị đang mang thai con của anh H1, chị đã quyết định bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, hai vợ chồng chị cũng sống ly thân từ 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị H cương quyết xin được ly hôn với anh H1; anh H1 không đến Tòa án làm việc trình bày quan điểm.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh H1 và chị H là căng thẳng, có thời gian sống ly thân dài, hôn nhân giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử chấp nhận đơn ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh H1 là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh H1 và chị H có 01 con chung là Nguyễn TA, sinh ngày 22/7/2017. Hiện tại, con chung đang ở với chị H và ông bà ngoại. Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung; anh H1 không đến Tòa án trình bày quan điểm. Do đó, để đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý, môi trường sống của con chung được ổn định, theo nguyện vọng của đương sự và thực tiễn cuộc sống, HĐXX giao con chung cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh H1 cho đến khi có thay đổi mới hoặc có đề nghị khác là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị H không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết; anh H1 không đến Tòa án trình bày quan điểm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong bản án này.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị H phải nộp án phí; nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự (năm 2015) và căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 có 01 con chung là: Nguyễn TA, sinh ngày 22/7/2017. Sau ly hôn, giao con chung cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh H1 cho đến khi có yêu cầu hoặc có thay đổi khác. Sau ly hôn, anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011187 ngày 10 tháng 10 năm 2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã (phường) nơi cư trú đối với người vắng mặt./.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán– Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 12 - Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 12 - Hà Nội;
- UBND xã nơi đã ĐKKH;
- Các đ-ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

